

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết
Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt và phát điện Thái Nguyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN CƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn; số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 6253/QĐ-UBND ngày 17/6/2025 của UBND thành phố Thái Nguyên về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 7747/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND thành phố Thái Nguyên về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt và phát điện Thái Nguyên;

Căn cứ Văn bản số 4165/SXD-QHKT ngày 27/11/2025 của Sở Xây dựng về việc ý kiến về nội dung quy hoạch chi tiết Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt và phát điện Thái Nguyên;

Căn cứ Văn bản số 4354/SNNMT-QLĐĐ ngày 20/11/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc tham gia ý kiến về nội dung đồ án quy hoạch chi tiết Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt và phát điện Thái Nguyên;

Căn cứ Văn bản số 3081/SCT-NL ngày 17/11/2025 của Sở Công Thương về việc tham gia ý kiến về nội dung đồ án quy hoạch chi tiết Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt và phát điện Thái Nguyên;

Căn cứ Văn bản số 1282/UBND-HĐTĐQH ngày 10/12/2025 của UBND xã Tân Cương về việc thông báo nội dung họp thẩm định Quy hoạch chi tiết Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt và phát điện Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Trung tâm dịch vụ tổng hợp tại Tờ trình số 105/TTr-TTĐVTH ngày 12/12/2025; của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 220/TTr-KT ngày 15/12/2025 (kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 30/BC-TĐQH ngày 12/12/2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt và phát điện Thái Nguyên với những nội dung sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch

a) Phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch: Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt và phát điện Thái Nguyên tại xóm Hồng Thái 1, xã Tân Cương, tỉnh Thái Nguyên có ranh giới như sau:

- Phía Bắc: Giáp tuyến đường giao thông hiện trạng;
- Phía Nam: Giáp đất rừng sản xuất;
- Phía Đông: Giáp đất rừng sản xuất;
- Phía Tây: Giáp đất rừng sản xuất.

b) Quy mô, tỷ lệ lập quy hoạch:

- Quy mô diện tích: 41.151,75m² (4,11ha);
- Công suất xử lý: khoảng 500 tấn/ngày;
- Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/500

2. Tính chất, mục tiêu lập quy hoạch

a) Tính chất: Là Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt và các loại rác thải khác theo công nghệ chuyển hoá rác thải thành điện năng.

b) Mục tiêu:

- Đáp ứng nhu cầu xử lý rác thải khu vực các xã, phường phía Nam của tỉnh Thái Nguyên và các vùng lân cận bằng công nghệ đốt rác - phát điện, đảm bảo tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn môi trường, vệ sinh công nghiệp và an toàn, không gây ô nhiễm môi trường, thay thế chôn lấp và tiết kiệm quỹ đất.

- Góp phần bảo vệ môi trường, phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế bền vững trên địa bàn xã Tân Cương nói riêng và tỉnh Thái Nguyên nói chung.

- Tăng cường khả năng cung cấp cho lưới điện 110kV trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng đảm bảo được yêu cầu đầu tư và phù hợp với định hướng công nghệ; xác định các chỉ tiêu kỹ thuật tính toán phù hợp theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành; xác định vai trò, tính chất, quy mô, cơ cấu phân khu chức năng sử dụng đất, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

của dự án; tạo mối liên hệ, thống nhất trong quản lý; tạo cơ sở pháp lý cho việc tiến hành triển khai đầu tư xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

3. Các chỉ tiêu cơ bản về kinh tế - kỹ thuật

STT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu
I	Chỉ tiêu về sử dụng đất		
1	Đất xây dựng công trình		
-	<i>Mật độ xây dựng</i>	%	≤ 40
-	<i>Tầng cao</i>	tầng	≤ 3
2	Đất cây xanh	%	≥ 20
3	Đất giao thông	%	≥ 10
II	Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật		
4	Cấp nước		
-	<i>Nước công trình phụ trợ</i>	lít/m ² sàn/ngày đêm	≥ 3
-	<i>Nước tưới cây</i>	lít/m ² /ngày đêm	≥ 3
-	<i>Nước công trình hạ tầng kỹ thuật</i>	lít/m ² /ngày đêm	≥ 8
-	<i>Nước rửa đường</i>	lít/m ² /ngày đêm	0,5
5	Cấp điện		
-	<i>Điện công trình hạ tầng kỹ thuật</i>	KW/ha	≥ 350
-	<i>Điện công trình phụ trợ</i>	Kw/m ² sàn	$\geq 0,03$
-	<i>Điện chiếu sáng cây xanh</i>	Kw/ha	≥ 5
-	<i>Điện chiếu sáng giao thông</i>	Kw/ha	≥ 10
6	Thoát nước thải và vệ sinh môi trường		
-	<i>Thoát nước thải (Nước thải sinh hoạt của dự án được thu gom xử lý tại trạm xử lý nước thải cục bộ đạt cột A của QCVN 40:2025/BTNMT trước khi xả ra hệ thống tiêu nước chung của đô thị).</i>	% cấp nước sinh hoạt	100

4. Quy hoạch sử dụng đất, phân khu chức năng

a) Quy hoạch sử dụng đất: Với tổng diện tích quy hoạch 41.151,75m² (4,11ha) được quy hoạch chức năng sử dụng đất với cơ cấu sử dụng đất như sau:

STT	Loại chức năng sử dụng của lô đất	Ký hiệu	Diện tích	Tỷ lệ
			(m ²)	(%)
1	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác	HT	11.412,00	27,73
2	Đất công trình phụ trợ		792,04	1,92
3	Đất cây xanh	CX	20.597,08	50,06
4	Đất đường giao thông		8.350,63	20,29
Tổng			41.151,75	100,00

b) Phân khu chức năng:

- Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác: Tổng diện tích 11.412,00m², chiếm tỷ lệ 27,73% diện tích khu vực lập quy hoạch. Các công trình được bố trí trên các tuyến đường trục chính của khu quy hoạch nhằm tạo thuận lợi cho việc xử lý rác thải. Trong đó dự kiến bố trí các công trình như sau:

+ Nhà máy chính, khối điện khiển và ống khói (*ký hiệu HT-01*): Diện tích 7.319,72m² chiếm tỷ lệ 17,79%, trong đó khu vực lò đốt bố trí tầng hầm để chứa rác theo dây chuyền công nghệ.

+ Trạm bơm tổng, khu xử lý thô, tháp giải nhiệt (*ký hiệu HT-02*): Diện tích 1.610,96m² chiếm tỷ lệ 3,91%.

+ Khu bồn dầu (*ký hiệu HT-03*): Diện tích 299,0m² chiếm tỷ lệ 0,73%.

+ Bể sản xuất và phòng cháy chữa cháy (*ký hiệu HT-04*): Diện tích 389,0m² chiếm tỷ lệ 0,95%.

+ Bể chứa nước sau xử lý (*ký hiệu HT-05*): Diện tích 180,0m² chiếm tỷ lệ 0,44%.

+ Khu xử lý nước rỉ rác (*ký hiệu HT-06*): Diện tích 1.577,02m² chiếm tỷ lệ 3,83%.

+ Bể nước sạch (*ký hiệu HT-07*): Diện tích 36,3m² chiếm tỷ lệ 0,09%.

- Đất công trình phụ trợ: Tổng diện tích 792,04m², chiếm tỷ lệ 1,92% diện tích khu vực lập quy hoạch. Các công trình được bố trí trên các tuyến đường giao thông và tại cổng chính của khu quy hoạch nhằm tạo thuận lợi cho việc quản lý điều hành. Trong đó dự kiến bố trí các công trình như sau:

+ Nhà bảo vệ (*ký hiệu NBV*): Diện tích 57,04m² chiếm tỷ lệ 0,14%.

+ Nhà để xe máy (*ký hiệu NX-01*): Diện tích 75,0m² chiếm tỷ lệ 0,18%.

+ Nhà để xe ô tô (*ký hiệu NX-02*): Diện tích 150,0m² chiếm tỷ lệ 0,36%.

+ Nhà lưu chứa tro bay (*ký hiệu NLC*): Diện tích 330,0m² chiếm tỷ lệ 0,8%.

+ Nhà chứa sản phẩm (*ký hiệu NK*): Diện tích 180,0m² chiếm tỷ lệ 0,4%.

- Đất cây xanh: Tổng diện tích 20.597,08m², chiếm tỷ lệ 50,06% diện tích khu vực lập quy hoạch.

- Đất giao thông: Tổng diện tích 8.350,63m², chiếm tỷ lệ 20,29% diện tích khu vực lập quy hoạch. Khung giao thông được chia theo 02 hướng chính Bắc - Nam và Đông - Tây tạo thuận lợi cho việc tiếp cận các khu chức năng.

4. Giải pháp tổ chức không gian cho từng lô đất

- Các công trình hạ tầng kỹ thuật: Hướng tiếp cận chính của khu vực lập quy hoạch được xác định từ trục đường theo quy hoạch chung xã Tân Cương có lộ giới 19,0m nằm ở phía Bắc. Không gian kiến trúc cảnh quan nhà máy được tổ chức phù hợp theo các khu chức năng, dây chuyền công nghệ, không gian cây xanh gắn liền hệ thống giao thông. Tổ chức không gian theo hướng dễ vận hành và bảo trì cho nhà máy.

- Các công trình phụ trợ: Bố trí đảm bảo chức năng theo yêu cầu và hướng tiếp cận thuận lợi với đường giao thông nội bộ nhà máy.

- Khu vực cây xanh cảnh quan tập trung được bố trí nằm tại vị trí phía Đông và phía Nam của khu vực, có vai trò như một lá phổi xanh trong khu vực quy hoạch.

5. Nguồn cung cấp và giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật đến từng lô đất

5.1. Quy hoạch giao thông

- Đường quy hoạch mặt cắt 1-1: Lộ giới 11,0m, trong đó mặt đường rộng 2x3,5=7,0m, vỉa hè rộng 2x2,0=4,0m.

- Đường quy hoạch mặt cắt 2-2: Lộ giới 9,0m, trong đó mặt đường rộng 2x3,5=7,0m, vỉa hè rộng 1x2,0=2,0m.

- Đường quy hoạch mặt cắt 3-3: Lộ giới 8,0m, trong đó mặt đường rộng 2x3,0=6,0m, vỉa hè rộng 1x2,0=2,0m.

- Đường quy hoạch mặt cắt 4-4: Lộ giới 8,0m, trong đó mặt đường rộng 2x4,0=8,0m.

- Đường quy hoạch mặt cắt 5-5: Lộ giới 9,0m, trong đó mặt đường rộng 2x3,5=7,0m, vỉa hè rộng 2x1,0=2,0m.

5.2. Quy hoạch san nền và thoát nước mặt

a) Quy hoạch san nền:

- Giải pháp san nền: Khu vực lập quy hoạch có địa hình nằm trong vùng đồi núi cao, địa hình thấp dần theo hướng Nam - Bắc. Để đảm bảo cao độ thiết kế theo các quy định hiện hành, lựa chọn các thông số kỹ thuật san nền như sau:

- Cao độ san nền cao nhất: +86,15m; Cao độ san nền nhỏ nhất: +77,00m.

- Thiết kế san nền các lô đất có hướng dốc và độ dốc nền đảm bảo tiêu thoát nước ra hệ thống thoát nước mưa của khu vực quy hoạch.

- Hướng dốc san nền thiết kế từ Nam xuống Bắc.

- Giải pháp thiết kế chênh cao giữa cao độ san nền và cao độ tự nhiên sẽ được nghiên cứu chi tiết khi triển khai bước lập dự án đầu tư.

b) Quy hoạch thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa trong khu vực lập quy hoạch được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước thải. Hướng thoát nước dựa vào địa hình san nền vào đảm bảo dốc thoát nước về phía Bắc của khu vực lập quy hoạch. Khi triển khai dự án, Chủ đầu tư thực hiện các biện pháp quản lý chất thải phù hợp: Trong phạm vi khu xử lý, rác thải được vận chuyển đến các bể chứa rác tại khu vực lò đốt bằng xe chuyên dùng, có trang bị che chắn nhằm đảm bảo không để rơi vãi rác thải trong quá trình di chuyển. Bên cạnh đó, hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu xử lý được đầu tư đồng bộ, góp phần hạn chế tình trạng chất thải bị cuốn theo nước mưa, qua đó giảm thiểu nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Nước mưa được gom về các tuyến cống tròn bê tông cốt thép D600, D800, D1000 đặt dọc theo các tuyến đường nội bộ và rãnh xây B400 đặt dọc theo ranh giới dự án. Nước mưa sau khi thu gom được quản lý và kiểm soát chất lượng thoát ra suối hiện hữu phía Bắc khu vực lập quy hoạch.

5.3. Quy hoạch cấp nước- phòng cháy chữa cháy

- Nguồn cấp nước cho khu vực quy hoạch dự kiến lấy từ hệ thống đường ống cấp nước đường kính D100 chạy dọc theo đường giao thông phía Bắc khu vực lập quy hoạch theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên đến năm 2035.

- Tổng nhu cầu dùng nước theo tính toán của khu vực quy hoạch là khoảng 210,72m³/ngày đêm; nhu cầu cấp nước chữa cháy là 162,00m³/đám cháy.

- Thiết kế các tuyến đường ống cấp nước được bố trí chủ yếu đi ngầm bên dưới vỉa hè các tuyến đường giao thông, bao gồm mạng đường ống cấp nước truyền tải là mạch vòng bằng các tuyến ống HPDE có đường kính D110mm; mạng lưới đường ống cấp nước phân phối là mạng cụt kết hợp với mạng vòng bằng các tuyến ống nhựa HDPE có đường kính D50mm, đảm bảo cung cấp nước đến từng công trình sử dụng.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Trên tuyến ống D110 bố trí các trụ chữa cháy với cự ly cách nhau trung bình giữa hai trụ cứu hỏa < 150m.

5.4. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a) Hệ thống thoát nước thải: Thiết kế hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa.

- Nước thải trong khu vực lập quy hoạch gồm: Nước thải sinh hoạt từ khu hành chính của Nhà máy, nước rỉ rác, nước thải từ công nghệ đốt rác phát điện, nước vệ sinh máy móc, thiết bị... Tổng lưu lượng nước thải khoảng 113,00 m³/ngày.đêm.

- Nước thải được thu gom bằng hệ thống đường ống D200 dẫn về trạm xử lý nước thải bố trí tại khu đất (TXL) phía Bắc của khu vực lập quy hoạch (*công suất trạm xử lý sẽ được tính toán chính xác trong giai đoạn đầu tư dự án phụ thuộc vào công nghệ được lựa chọn đầu tư*). Nước thải sau khi được xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A và quy chuẩn, quy định về sử dụng nước thải, sau đó được lưu trữ tại bể chứa để tái sử dụng cho các hoạt động của Nhà máy được cơ quan có thẩm quyền ban hành mới có thể được tái sử dụng tưới cây, rửa đường, rửa xe... và đầu nối vào hệ thống cống thoát nước mưa của dự án.

- Mạng lưới đường ống nước thải là các đường ống D200mm, độ dốc tối thiểu $i_{\min}=1/D$ và độ sâu chôn cống tối thiểu 0,7m, phù hợp với QCVN 07-2023.

b) Giải pháp xử lý chất thải rắn:

- Phương án thu gom, xử lý chất thải rắn phát sinh sau khi đốt rác (*xi lò, tro bay, bùn...*) được nghiên cứu chi tiết khi triển khai bước lập dự án đầu tư theo quy định pháp luật hiện hành.

5.5. Quy hoạch điện và chiếu sáng

- Nguồn điện: Nguồn điện dự kiến được lấy từ trạm biến áp 110/22kV Thịnh Đán 2x40MVA theo định hướng Quy hoạch chung xã Tân Cương (trước sáp nhập). Điểm đầu nối ở vị trí đường dây 110kV phía Bắc của dự án. Giải pháp đầu nguồn điện chính xác (từ lộ trung thế, vị trí đầu nối) sẽ được thiết kế chính xác khi thực hiện thỏa thuận đầu nối với cơ quan Điện lực địa phương về nguồn và vị trí đầu nối sau khi đồ án quy hoạch được phê duyệt.

- Tổng công suất phát điện lên hệ thống lưới điện quốc gia 110kV: 10mW.

- Tổng công suất cấp điện sử dụng cho sinh hoạt của nhà máy: Dự kiến trong khu vực quy hoạch bố trí 01 trạm biến áp TBA 560kVA (*Công suất điện phục vụ sản xuất sẽ được tính toán trong giai đoạn đầu tư dự án phụ thuộc vào công nghệ được lựa chọn*).

- Mạng lưới điện trung thế 22KV trong khu quy hoạch: Toàn bộ tuyến cáp điện trung thế được thiết kế đi ngầm trong hào kỹ thuật dọc theo vỉa hè các tuyến đường giao thông, sử dụng cáp ngầm bảo vệ cách điện bằng PVC có đai thép bảo vệ và có đặc tính chống thấm dọc.

- Hệ thống điện chiếu sáng: Chiếu sáng đường phố sử dụng đèn Led công suất 100W-150W được lắp đặt trên cột đèn bằng thép mạ kẽm cao 8,0-10,0m; toàn bộ hệ thống chiếu sáng được điều khiển bằng tủ điện điều khiển chiếu sáng tự động theo chế độ tiết kiệm điện.

- Hệ thống tuyến cáp ngầm 0,4kV đi từ tủ phân phối tổng hạ thế đặt trong trạm biến áp cấp điện đến các tủ phân phối của công trình. Toàn bộ các tuyến cáp hạ thế trong khu đô thị được đi ngầm trong rãnh cáp theo hệ đường quy hoạch, phân cáp qua đường được luôn trong ống thép bảo vệ

5.6. Quy hoạch thông tin liên lạc

- Hệ thống thông tin bưu điện cụ thể sẽ do cơ quan quản lý chuyên ngành quyết định.

6. Giải pháp tổ chức tái định cư

Khi triển khai dự án theo quy hoạch, đất tái định cư sẽ được tính toán dựa trên số liệu thống kê, kiểm đếm chính xác và nhu cầu tái định cư để bố trí tại các khu tái định cư trên địa bàn xã.

7. Giải pháp bảo vệ môi trường

Thực hiện theo pháp luật về bảo vệ môi trường.

8. Những hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện

- Các hạng mục ưu tiên đầu tư gồm: Các công trình hạ tầng kỹ thuật khung (*Nhà máy chính và khối điện khiển, trạm xử lý nước thải, bể chứa...*) và công trình đầu mối (*giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, môi trường...*) để dự án đi vào hoạt động sớm nhất trong giai đoạn 2025-2030.

9. Quy định quản lý

Ban hành quy định quản lý kèm theo Quy hoạch chi tiết Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt và phát điện Thái Nguyên tuân thủ quy định theo pháp luật quy hoạch đô thị và nông thôn và các quy định hiện hành, tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng có liên quan.

Điều 2. Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã chủ trì tổ chức công bố quy hoạch, phổ biến rộng rãi trong nhân dân theo đúng quy định hiện hành và tổ chức lập hồ sơ cắm mốc giới theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế xã, Giám đốc Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã và các đơn vị, các nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (T/h);
 - Thường trực Đảng ủy xã;
 - Thường trực HĐND xã;
 - Lãnh đạo UBND xã;
 - Các phòng, ban, ngành, đoàn thể của xã;
 - Trang thông tin điện tử xã;
 - Lưu: VT, KT. 08b.
- Hungls.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Công Việt